Ký bởi: SỞ CÔNG THƯƠNG
Ngày ký: 27-05-2026 16:56:50 +07:00

**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang,
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
T: 02583 553 888

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA
ĐẾN Số: 1268
Ngày: 27/5/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

*V/v: tự công bố sản phẩm.*

Nha trang, ngày 07 tháng 05 năm 2026

Kính gửi : **SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA**

Thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Công ty TNHH Moonmilk kính gửi Sở Công Thương Tỉnh Khánh Hòa hồ sơ tự công bố cho sản phẩm thực phẩm nhập khẩu với chi tiết như sau:

| Stt | Tên sản phẩm | Số công bố | Ngày công bố |
|---|---|---|---|
| 1 | Snack heo sấy vị Sriracha MRT | 60/Moonmilk/2026 | 01/05/2026 |

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố chất lượng và an toàn thực phẩm với sản phẩm đã công bố.

*Hồ sơ đính kèm gồm:*

- Bản tự công bố
- Phiếu kiểm nghiệm
- Giấy ĐKKD

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**

**GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY TNHH MOONMILK

Nguyễn Hữu Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số : 60/Moonmilk/2026

## I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MOONMILK
Trụ sở: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258 3553 888 Email: import2.moonmilk@gmail.com
Mã số doanh nghiệp: 4201570744, do Sở KH & ĐT tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 27/08/2013, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 09/01/2023.

## II. Thông tin về sản phẩm:

1.Tên sản phẩm: Snack heo sấy vị Sriracha MRT
2.Thành phần: Thịt heo, nước, hỗn hợp muối nitrit (muối, chất cố định màu natri nitrit), sốt Sriracha (tỏi, hành tây, tiêu, paprika, ớt chili, thì là, paprika hun khói, đường, tinh bột ngô), rau thơm (oregano, hương thảo, mùi tây), cà chua, dextrose, ớt chili, maltodextrin, chất làm đặc (gôm guar), chất điều vị (mononatri glutamat), chất điều chỉnh độ axit (axit citric, natri axetat), chất chống oxy hóa (axit ascorbic), hương liệu.
3.Thời hạn sử dụng sản phẩm: 120 ngày kể từ ngày sản xuất
4.Quy cách đóng gói: 40g hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng.
5.Chất liệu bao bì: Bao bì nhựa – phù hợp quy định an toàn vật liệu tiếp xúc thực phẩm của Bộ Y Tế.
6.Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty TNHH "Miratorg-Kursk". 307120, Nga, tỉnh Kursk, huyện Fatezh, làng Verkhniy Lyubazh, đường Zapadnaya, số nhà 6.
Địa chỉ: 307207, Nga, tỉnh Kursk, huyện Oktyabrsky, xã Chernitsynsky, làng Chernitsyno, số nhà 2, tòa 2.

## III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn phụ và nhãn chính dự kiến

## IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Cty TNHH Moonmilk kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3: 2012/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT – Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư số 24/2013/TT-BYT –Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 05 năm 2026

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**

**GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY TNHH MOONMILK

Nguyễn Hữu Long

# Nhãn phụ

- **Snack heo sấy vị Sriracha MRT**
  Thành phần: thịt heo, nước, hỗn hợp muối nitrit (muối, chất cố định màu natri nitrit), sốt Sriracha (tỏi, hành tây, tiêu, paprika, ớt chili, thì là, paprika hun khói, đường, tinh bột ngô), rau thơm (oregano, hương thảo, mùi tây), cà chua, dextrose, ớt chili, maltodextrin, chất làm đặc (gôm guar), chất điều vị (mononatri glutamat), chất điều chỉnh độ axit (axit citric, natri axetat), chất chống oxy hóa (axit ascorbic), hương liệu.
- bảo quản ở nhiệt độ không quá +25°C. Có thể xuất hiện lớp phủ trắng có nguồn gốc khoáng, điều này không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
  Thông tin cảnh báo: tại cơ sở sản xuất có sử dụng thịt gà broiler, thịt bò, thịt cừu, cần tây, mù tạt, sữa, sản phẩm từ trứng, ngũ cốc và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc; vì vậy sản phẩm có thể chứa dấu vết của các thành phần này..
- Hạn sử dụng: 120 ngày kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.
- Quy cách và đóng gói: Xem trên bao bì
- Xuất xứ: Nga
- Nhà sản xuất: Công ty TNHH "Miratorg-Kursk". 307120, Nga, tỉnh Kursk, huyện Fatezh, làng Verkhniy Lyubazh, đường Zapadnaya, số nhà 6.
  Địa chỉ: 307207, Nga, tỉnh Kursk, huyện Oktyabrsky, xã Chernitsynsky, làng Chernitsyno, số nhà 2, tòa 2.
- Thương nhân nhập khẩu, phân phối và tự công bố sản phẩm:
  **CÔNG TY TNHH MOONMILK**
  Địa chỉ: Tổ 13 Đường Dệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
  SĐT: 0258 3553 888
- Số công bố : 60/Moonmilk/2026

| Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g | |
|---|---|
| Năng lượng (Energy) | 273 Kcal |
| Đạm (Protein) | 53.9 g |
| Carbohydrat (Carbohydrate) | 4.40 g |
| Béo tổng (Total fat) | 4.43 g |
| Natri (Sodium) | 1320 mg |
| Giá trị dinh dưỡng của sản phẩm dao động (+/-) 20% giá trị công bố ghi trên nhãn | |

CÔNG TY TNHH MOONMILK
M.S.D.N: 4201570744 - C.T.T.N.H.H - T. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA

| Snack heo sấy vị Sriracha | |
|---|---|
| | **MIRATORG**<br><br>**100% lát thịt heo**<br><br>**Sukhinichi – Sriracha**<br><br>**Tan ngay trên đầu lưỡi**<br><br>**Món ăn vặt từ thịt tuyệt hảo**<br><br>**Làm từ 100% thịt từ các trang trại riêng của chúng tôi** |
| | **VỊ CAY** |
| | **SUKHINICHI**<br>**100% lát thịt từ thịt heo chọn lọc**<br>**Hàm lượng protein cao***<br><br>**Món ăn nhẹ tiện lợi:**<br>**- Khi đi học**<br>**- Khi di chuyển / du lịch**<br>**- Khi đi dã ngoại**<br>**- Khi đi làm** |

RUS **МЯСНОЙ ПРОДУКТ ИЗ СВИНИНЫ СУШЕНЫЙ. СУХИНИЧИ ИЗ СВИНИНЫ ШРИРАЧА.**

**Упаковано в условиях модифицированной атмосферы.**

**Состав:** свинина, вода, посолочно-нитритная смесь (соль, фиксатор окраски (нитрит натрия)), соус Шрирача (чеснок, лук, перец, паприка, чили, фенхель, копчёная паприка, сахар, крахмал кукурузный), травы (орегано, розмарин, петрушка), томат, декстроза, перец чили, мальтодекстрин, загуститель (гуаровая камедь), усилитель вкуса и аромата (глутамат натрия), регуляторы кислотности (лимонная кислота, ацетат натрия), антиокислитель (аскорбиновая кислота), ароматизаторы.

**Внимание:** на территории предприятия используются: мясо цыплят-бройлеров, говядины, ягнятины, сельдерей, горчица, молоко, яичные продукты, злаки и продукты их переработки, в связи с чем продукт может содержать их следы.

**Пищевая ценность 100 г продукта (средние значения):** белок – 53 г; жир – 5 г; энергетическая ценность/калорийность – 1076 кДж/257 ккал.

**Срок годности:** 120 суток с даты изготовления при соблюдении условий хранения. Рекомендуемый срок годности продукта после нарушения целостности потребительской упаковки при температуре не выше +25°С – не более 3 суток в пределах общего срока годности упакованной продукции. **Условия хранения:** хранить при температуре не выше +25°С. Возможно появление беловатого налета минерального происхождения, что не является снижением качества продукта. Продукт готов к употреблению. **Дата изготовления (совпадает с датой упаковывания) и годен до: смотреть на упаковке. Произведено в России. Номер завода: RU-046/AD38848.**

**Изготовитель:** ООО «Мираторг-Курск», 307120, Россия, Курская обл., Фатежский р-он, село Верхний Любаж, ул. Западная, владение 6.

**Адрес производства:** 307207, Россия, Курская обл., Октябрьский р-он, Черницынский сельсовет, село Черницыно, строение 2, корпус 2.

**Телефон «Горячей линии»: 8-800-100-80-87 (по России звонок бесплатный). www.miratorg.ru. Поставщик в Республику Беларусь:** ООО «Сэльвин», 220084, Республика Беларусь, г. Минск, ул. Академика Купревича, д. 14, 4 этаж, каб. 37, тел.: +375 17 269 33 33.

*Содержание протеина (белка) не менее 80% от общей калорийности готового продукта.

**СТО 53326822-016-2023 МАССА НЕТТО: 40 г.**

**RUS. SẢN PHẨM THỊT HEO SẤY KHÔ. SUKHINICHI TỪ THỊT HEO VỊ SRIRACHA.**

**Đóng gói trong điều kiện khí quyển biến đổi. Thành phần:** thịt heo, nước, hỗn hợp muối nitrit (muối, chất cố định màu natri nitrit), sốt Sriracha (tỏi, hành tây, tiêu, paprika, ớt chili, thì là, paprika hun khói, đường, tinh bột ngô), rau thơm (oregano, hương thảo, mùi tây), cà chua, dextrose, ớt chili, maltodextrin, chất làm đặc (gôm guar), chất điều vị (mononatri glutamat), chất điều chỉnh độ axit (axit citric, natri axetat), chất chống oxy hóa (axit ascorbic), hương liệu.

**Lưu ý:** tại cơ sở sản xuất có sử dụng thịt gà broiler, thịt bò, thịt cừu, cần tây, mù tạt, sữa, sản phẩm từ trứng, ngũ cốc và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc; vì vậy sản phẩm có thể chứa dấu vết của các thành phần này.

**Giá trị dinh dưỡng trong 100 g sản phẩm (giá trị trung bình):** Protein: 53 g; Chất béo: 5 g; **Giá trị năng lượng:** 1076 kJ / 257 kcal

**Hạn sử dụng:** 120 ngày kể từ ngày sản xuất khi tuân thủ điều kiện bảo quản. Thời hạn sử dụng khuyến nghị sau khi mở bao bì: bảo quản ở nhiệt độ không quá +25°C, không quá 3 ngày, trong phạm vi thời hạn sử dụng chung của sản phẩm đã đóng gói.

**Điều kiện bảo quản:** bảo quản ở nhiệt độ không quá +25°C. Có thể xuất hiện lớp phủ trắng có nguồn gốc khoáng, điều này không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Sản phẩm sẵn sàng để sử dụng. **Ngày sản xuất (trùng với ngày đóng gói) và hạn sử dụng: xem trên bao bì. Sản xuất tại Nga. Mã số nhà máy: RU-046/AD38848. Nhà sản xuất:** Công ty TNHH "Miratorg-Kursk". 307120, Nga, tỉnh Kursk, huyện Fatezh, làng Verkhniy Lyubazh, đường Zapadnaya, số nhà 6. **Địa chỉ sản xuất:** 307207, Nga, tỉnh Kursk, huyện Oktyabrsky, hội đồng nông thôn Chernitsynsky, làng Chernitsyno, số nhà 2, tòa 2. **Điện thoại đường dây nóng:** 8-800-100-80-87 (miễn phí trong lãnh thổ Nga). **www.miratorg.ru. Nhà cung cấp tại Cộng hòa Belarus:** Công ty TNHH "Selvin", 220084, Belarus, Minsk, đường Akademika Kuprevicha, số 14, tầng 4, phòng 37. Điện thoại: +375 17 269 33 33.

* Hàm lượng protein (chất đạm) chiếm không dưới 80% tổng giá trị năng lượng của sản phẩm.

**STO 53326822-016-2023 KHỐI LƯỢNG TỊNH: 40 G**

CÔNG TY TNHH MOONMILK
GIÁM ĐỐC
(Đã ký và đóng dấu)
NGUYỄN HỮU LONG

Tôi, Ngô Đình Hoàn, CCCD số: 034080013001 cấp ngày 29/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Nga sang tiếng Việt.**

Ngày 19 tháng 03 năm 2026

**Người dịch ký và ghi rõ họ tên**

**Ngô Đình Hoàn**

Ngày 19 tháng 03 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày mười chín, tháng ba, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, CÔNG CHỨNG VIÊN Trần Thị Huyền là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

**CHỨNG THỰC**

- Ông Ngô Đình Hoàn là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 2 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 3 tờ, 3 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

**Số chứng thực:** 31382 **Quyển số: 01/2026 - SCT/CKND**

Người thực hiện chứng thực

Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

**CÔNG CHỨNG VIÊN**

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ - P. Ô CHỢ DỪA - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thị Huyền

13. Pork Sukhinichi Shriratsha

# СУХИНИЧИ

**100% МЯСНЫЕ ЛОМТИКИ**

ИЗ ОТБОРНОЙ СВИНИНЫ

ВЫСОКОЕ СОДЕРЖАНИЕ ПРОТЕИНА*

*Удобный перекус*

На учебе | В дороге | На природе | На работе

**RUS МЯСНОЙ ПРОДУКТ ИЗ СВИНИНЫ СУШЕНЫЙ. СУХИНИЧИ ИЗ СВИНИНЫ ШРИРАЧА.**

**Упаковано в условиях модифицированной атмосферы.**

**Состав:** свинина, вода, посолочно-нитритная смесь (соль, фиксатор окраски (нитрит натрия)), соус Шрирача (чеснок, лук, перец, паприка, чили, фенхель, копчёная паприка, сахар, крахмал кукурузный), травы (орегано, розмарин, петрушка), томат, декстроза, перец чили, мальтодекстрин, загуститель (гуаровая камедь), усилитель вкуса и аромата (глутамат натрия), регуляторы кислотности (лимонная кислота, ацетат натрия), антиокислитель (аскорбиновая кислота), ароматизаторы.

**Внимание:** на территории предприятия используются: мясо цыплят-бройлеров, говядины, ягнятины, сельдерей, горчица, молоко, яичные продукты, злаки и продукты их переработки, в связи с чем продукт может содержать их следы.

**Пищевая ценность 100 г продукта (средние значения):** белок – 53 г; жир – 5 г; **энергетическая ценность/калорийность** – 1076 кДж/257 ккал.

**Срок годности:** 120 суток с даты изготовления при соблюдении условий хранения. Рекомендуемый срок годности продукта после нарушения целостности потребительской упаковки при температуре не выше +25°С – не более 3 суток в пределах общего срока годности упакованной продукции. **Условия хранения:** хранить при температуре не выше +25°С. Возможно появление беловатого налета минерального происхождения, что не является снижением качества продукта. Продукт готов к употреблению. **Дата изготовления (совпадает с датой упаковывания) и годен до: смотреть на упаковке. Произведено в России. Номер завода: RU-046/AD38848.**

**Изготовитель:** ООО «Мираторг-Курск». 307120, Россия, Курская обл., Фатежский р-он, село Верхний Любаж, ул. Западная, владение 6.

**Адрес производства:** 307207, Россия, Курская обл., Октябрьский р-он, Черницынский сельсовет, село Черницыно, строение 2, корпус 2.

**Телефон «Горячей линии»: 8-800-100-80-87 (по России звонок бесплатный). www.miratorg.ru. Поставщик в Республику Беларусь:** ООО «Сэльвин», 220084, Республика Беларусь, г. Минск, ул. Академика Купревича, д. 14, 4 этаж, каб. 37, тел.: +375 17 269 33 33.

*Содержание протеина (белка) не менее 80% от общей калорийности готового продукта.

СТО 53326822-016-2023 МАССА НЕТТО: 40 г.

МИРАТОРГ

100% ЛОМТИКИ СВИНИНЫ

СУХИ-НИЧИ ШРИРАЧА

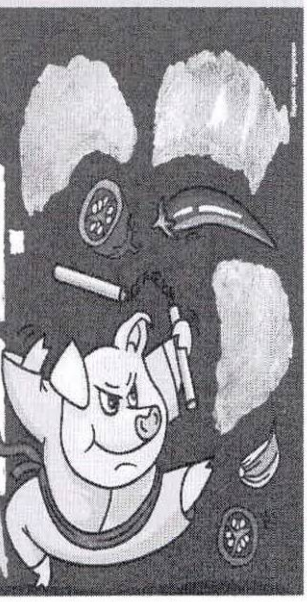

## НА ЯЗЫК

*Отличная мясная закуска*

100% из мяса с натуральным вкусом

## ОСТРЫЕ

Батон үстінде, өнім сапасының төмендеуіне білдірмейтін, минерал текті ақшыл қақ болуы мүмкін. **Дайындалған күні** (орау күнімен сәйкес келеді) және жарамдылық мерзімі: орамадан қараңыз. **РЕСЕЙДЕ ӨНДІРІЛГЕН! Дайындаушы:** «Мираторг-Курск» ЖШҚ, Зауыттың нөмірі: RU-046/AD38848. 307120, Ресей, Курск обл., Фатежский ауд., Верхний Любаж ауылы, Западная к-сі, 6 иелік. **Өндіріс мекенжайы:** 307207, Ресей, Курск обл., Октябрь ауд., Черницынский ауылдық кеңесі, Черницыно аулы, 2 құрылыс, 2 корпус. **Тазалығы:** 40 г. СТО 53326822-016-2023.

*Протеиндер (ақуыздың) мөлшері дайын өнімнің жалпы калориясының кем дегеншде 80% құрайды.

CÔNG TY TNHH MOONMILK

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Long

Σ

# KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
## *TEST REPORT*

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-12 (1/5)

| | | |
|---|---|---|
| **Tên khách hàng**/ *Client's Name* | : | **CÔNG TY TNHH MOONMILK** |
| **Địa chỉ**/ *Client's Address* | : | Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam |
| **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* | : | 17/03/2026 |
| **Ngày thử nghiệm**/ *Date of testing* | : | 17/03/2026 - 27/03/2026 |
| **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* | : | 07/04/2026 |
| **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* | : | **SNACK HEO SẤY VỊ SRIRACHA** |
| **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* | : | Mẫu chứa trong bao bì kín |
| **Bảng kết quả**/ *Results Table* | : | |

# KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
## *TEST REPORT*

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-12 (1/5)

| STT/ *No.* | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)* | Kết Quả/ *Result (s)* | Đơn Vị/ *Unit* | Phương Pháp Thử/ *Test Method* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Cảm quan / Sensory | Sản phẩm dạng rắn, khô, mềm dai nhẹ, gói kín, không hư hỏng, không có tạp chất lạ. Sản phẩm có màu nâu đỏ. Mùi vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ. | - | AVA-KN-PP.HL/56 |

**Chú thích/ *Remarks*:**

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

TRẦN HOÀNG VINH

# KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
## *TEST REPORT*

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-12 (2/5)

| | | |
|---|---|---|
| **Tên khách hàng**/ *Client's Name* | : | **CÔNG TY TNHH MOONMILK** |
| **Địa chỉ**/ *Client's Address* | : | Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam |
| **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* | : | 17/03/2026 |
| **Ngày thử nghiệm**/ *Date of testing* | : | 17/03/2026 - 27/03/2026 |
| **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* | : | 07/04/2026 |
| **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* | : | **SNACK HEO SẤY VỊ SRIRACHA** |
| **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* | : | Mẫu chứa trong bao bì kín |
| **Bảng kết quả**/ *Results Table* | : | |

# KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
## *TEST REPORT*

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-12 (2/5)

| STT/ *No.* | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)* | Kết Quả/ *Result (s)* | Đơn Vị/ *Unit* | Phương Pháp Thử/ *Test Method* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Năng lượng (Tính từ protein, béo và carbohydrate) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate) (*) | 273 | kcal/100g | AVA-KN-PP.HL/10 |
| 2 | Đạm (*) / Protein (*) | 53.9 | g/100g | AVA-KN-PP.HL/01 |
| 3 | Carbohydrat (*) / Carbohydrate (*) | 4.40 | g/100g | AVA-KN-PP.HL/04 |
| 4 | Béo tổng (*) / Total fat (*) | 4.43 | g/100g | AVA-KN-PP.HL/02 |
| 5 | Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*) | 1320 | mg/100g | AVA-KN-PP.QP/063 |

**Chú thích/ *Remarks*:**

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

**GIÁM ĐỐC**
**DIRECTOR**

M.S.D.N: 0317692663-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**TRẦN HOÀNG VINH**

# KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
## *TEST REPORT*

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-12 (3/5)

| | | |
|---|---|---|
| **Tên khách hàng**/ *Client's Name* | : | **CÔNG TY TNHH MOONMILK** |
| **Địa chỉ**/ *Client's Address* | : | Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam |
| **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* | : | 17/03/2026 |
| **Ngày thử nghiệm**/ *Date of testing* | : | 17/03/2026 - 27/03/2026 |
| **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* | : | 27/03/2026 |
| **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* | : | **SNACK HEO SẤY VỊ SRIRACHA** |
| **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* | : | Mẫu chứa trong bao bì kín |

**Bảng kết quả**/ *Results Table*

# KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
## *TEST REPORT*

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-12 (3/5)

| STT/ *No.* | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)* | Kết Quả/ *Result (s)* | Đơn Vị/ *Unit* | Phương Pháp Thử/ *Test Method* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*) | Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.003) | mg/kg | AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01) |
| 2 | Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*) | <0.01 | mg/kg | AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01) |

**Chú thích/ *Remarks*:**

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

**GIÁM ĐỐC**
**DIRECTOR**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK

**TRẦN HOÀNG VINH**

# KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
## *TEST REPORT*

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-12 (4/5)

| | | |
|---|---|---|
| **Tên khách hàng**/ *Client's Name* | : | **CÔNG TY TNHH MOONMILK** |
| **Địa chỉ**/ *Client's Address* | : | Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam |
| **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* | : | 17/03/2026 |
| **Ngày thử nghiệm**/ *Date of testing* | : | 17/03/2026 - 27/03/2026 |
| **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* | : | 07/04/2026 |
| **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* | : | **SNACK HEO SẤY VỊ SRIRACHA** |
| **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* | : | Mẫu chứa trong bao bì kín |
| **Bảng kết quả**/ *Results Table* | : | |

# KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
## *TEST REPORT*

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-12 (4/5)

| STT/ *No.* | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)* | Kết Quả/ *Result (s)* | Đơn Vị/ *Unit* | Phương Pháp Thử/ *Test Method* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Chlortetracycline (*) / Chlortetracycline (*) | Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7) | µg/kg | AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09) |
| 2 | Oxytetracycline (*) / Oxytetracycline (*) | Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7) | µg/kg | AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09) |
| 3 | Tetracycline (*) / Tetracycline (*) | Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.7) | µg/kg | AVA-KN-PP.SK/036 (Ref. AOAC 2008.09) |

**Chú thích/ *Remarks*:**

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK
M.S.D.N: 0317692663-C.T.C.P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH

# KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
## *TEST REPORT*

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-12 (5/5)

| | | |
|---|---|---|
| **Tên khách hàng**/ *Client's Name* | : | **CÔNG TY TNHH MOONMILK** |
| **Địa chỉ**/ *Client's Address* | : | Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam |
| **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* | : | 17/03/2026 |
| **Ngày thử nghiệm**/ *Date of testing* | : | 17/03/2026 - 27/03/2026 |
| **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* | : | 07/04/2026 |
| **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* | : | **SNACK HEO SẤY VỊ SRIRACHA** |
| **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* | : | Mẫu chứa trong bao bì kín |
| **Bảng kết quả**/ *Results Table* | : | |

# KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
## *TEST REPORT*

Mã số/ *Ref. No*: COB2260300290-12 (5/5)

| STT/ *No.* | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)* | Kết Quả/ *Result (s)* | Đơn Vị/ *Unit* | Phương Pháp Thử/ *Test Method* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*) | $4.9 \times 10^2$ | CFU/g | ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022 |
| 2 | Salmonella (*) / Salmonella (*) | Không phát hiện/ Not Detected | /25g | ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020 |
| 3 | Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*) | 0 | MPN/g | TCVN 7924-3:2017(ISO 16649-3:2015) |

**Chú thích/ *Remarks*:**

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 05 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 05 reports in the overall analysis.

**GIÁM ĐỐC**
**DIRECTOR**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK
M.S.D.N: 0317692663-C.T.C.P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**TRẦN HOÀNG VINH**